

Số: /KH-BTTr-BCĐ

Gia Lai, ngày tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tiếp nhận, bảo quản, phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 do Bộ Y tế phân bổ đợt 56 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Thực hiện tiếp theo Kế hoạch số 905/KH-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 giai đoạn 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-VSDTTU ngày 04/10/2021 của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19 đợt 56 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ban Thường trực - Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch tỉnh Gia Lai phân bổ vắc xin đến các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố thực hiện triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho các đơn vị, Công ty theo Nghị quyết 21 và Quyết định số 3355/QĐ-BYT của Bộ Y tế đề ra.

II. MỤC TIÊU

- Hoạt động tiêm chủng thực hiện theo Kế hoạch số 905/KH-UBND đã được phê duyệt.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Vắc xin, Đối tượng, phạm vi, thời gian, địa điểm triển khai

1.1. Vắc xin: Theo Quyết định số 1210/QĐ-VSDTTU của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.

- Vắc xin **Vero Cell** do Tập đoàn Sinopharm Trung Quốc sản xuất, Số liệu được phân bổ trên địa bàn tỉnh Gia Lai **200.000 liều**.

- Vắc xin phân bổ đến các điểm tiêm: Trung tâm Y tế huyện thị xã, thành phố (*phụ lục kèm theo*).

1.2. Đối tượng triển khai .

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố lập danh sách các đơn vị triển khai tiêm Mũi 1 Vắc xin Vero Cell theo nhóm đối tượng.

- Nhóm đối tượng theo Nghị quyết 21/NQ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định 3355/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 năm 2021-2022. Trước mắt tiêm theo đối tượng ưu tiên sau:

- + Bổ sung tiêm: Doanh nghiệp Giao thông vận tải, doanh nghiệp chưa được tiêm, shipper, lái xe thô, Grabbike (dịch vụ đặt xe máy), tiểu thương ở các chợ.
- + Các hướng dẫn viên du lịch, dịch vụ du lịch lữ hành, nhà hàng, khách sạn.
- + Các dịch vụ thiết yếu: Hàng ăn uống, cung cấp gạo, gas, nước, cửa hàng bán lẻ hàng hoá thiết yếu, chợ.
- + Đối tượng sinh viên nhập học tại các tỉnh, thành phố;
- + Lao động trở lại làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và Đồng Nai (yêu cầu phải có địa chỉ Công ty làm việc cụ thể).

1.3. Phạm vi triển khai

- Triển khai trên toàn tỉnh.

1.4. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: Triển khai tùy theo từng điểm tiêm bố trí thời gian tiêm cho phù hợp và kết thúc trước 20/10/2021.
- Địa điểm tiêm: Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố, Trạm Y tế.

2. Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, phân phối vắc xin, vật tư

- Triển khai theo Kế hoạch đã được phê duyệt, tiêm vắc xin cho nhóm đối tượng ưu tiên.

3. Tập huấn cho cán bộ y tế về triển khai vắc xin phòng COVID-19

- Cán bộ tham gia tiêm chủng đã được tập huấn.

4. Truyền thông về triển khai vắc xin phòng COVID-19

- Thời gian thực hiện: Trước, trong và sau khi triển khai tiêm chủng.

5. Tổ chức tiêm chủng

5.1. Xây dựng kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại địa phương

- Sở Y tế chỉ đạo Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch đề ra.
- Tổ chức triển khai và kết thúc trước ngày 30/10/2021, điều chỉnh, bổ sung đối tượng tiêm phù hợp.

* ***Đối với Vắc xin Vero Cell:*** Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch tiêm Mũi 1 và Mũi 2 cách 4 tuần do vậy các Trung tâm Y tế phải có kế hoạch lưu trữ vắc xin để trả mũi 2 cho các đối tượng đã được tiêm mũi 1.

5.2. Hình thức tổ chức buổi tiêm

- Tổ chức tiêm tại Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố, Trạm Y tế.

5.3. Đơn vị tổ chức điểm tiêm chủng

- Đảm bảo an toàn trong tiêm chủng và hạn chế các sự cố trong tiêm chủng.

6. Kế hoạch buổi tiêm chủng

Đảm bảo trong phòng, chống dịch COVID-19 các đơn vị bố trí theo khung

giờ hạn chế đông người tại buổi tiêm.

** Lưu ý: Đơn vị y tế hướng dẫn, tư vấn cho các đơn vị được tiêm chủng, triển khai cho nhân viên đơn vị mình đọc kỹ và điền thông tin cá nhân vào các phiếu trước khi tiêm.*

7. Công tác đảm bảo tiêm chủng

- Đảm bảo nhân lực, vật lực.
- Đảm bảo vệ sinh phòng chống dịch.
- Giám sát điểm tiêm chủng.
- Quản lý bơm kim tiêm và rác thải y tế sau buổi tiêm.
- Hàng ngày báo cáo kết quả triển khai tiêm chủng và phản ứng sau tiêm.

8. Trách nhiệm từng đơn vị

8.1. Đối với cơ sở tiêm chủng

- Xếp lịch tiêm, thông báo hẹn ngày, giờ đến các đơn vị. Trung tâm Y tế các huyện/thị xã/thành phố triển khai tiêm chủng phải quản lý **đối tượng tiêm trên phần "Hồ sơ sức khỏe"**.

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố lập danh sách các đơn vị tiêm vắc xin theo nhóm đối tượng ưu tiên.

8.2. Đơn vị được tiêm vắc xin phòng COVID-19

- Đơn vị được tiêm vắc xin phải lập danh sách, điền đầy đủ các thông tin theo biểu mẫu mà cơ quan y tế yêu cầu.

- Đơn vị có danh sách tiêm vắc xin COVID-19 mà không đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan y tế thì coi như không được tiêm chủng trong đợt này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thực hiện theo Kế hoạch số 905/KH-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã phê duyệt.

Trên đây là Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn Gia Lai năm 2021. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tổ chức, triển khai thực hiện./.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- TT Tỉnh uỷ (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục Y tế dự phòng;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên;
- Các thành viên BCD phòng, chống dịch của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTYT các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Lưu: VT, BCD.

Nguyễn Đình Tuấn
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Phụ lục I

PHÂN BỐ VẮC XIN VEROCELL

TT	Địa phương	ĐỐI TƯỢNG Trên 18 tuổi	Số Liều		Số Lọ	Bơm kim tiêm		Hộp an toàn
			Mũi 1	Mũi 2		0,5ml	5ml	
1	Pleiku	175,436	50,000	50,000	20,000	110,000	0	485
2	An Khê	45,599	8,000	8,000	3,200	17,600	0	120
3	Ia Grai	66,396	3,300	3,300	1,320	7,260	0	80
4	Đắk Pơ	26,406	1,300	1,300	520	2,860	0	70
5	Chư Păh	49,289	2,500	2,500	1,000	5,500	0	120
6	Đức Cơ	45,218	2,300	2,300	920	5,060	0	120
7	Chư Sê	74,722	3,500	3,500	1,400	7,700	0	170
8	Mang Yang	40,995	2,000	2,000	800	4,400	0	100
9	Ia pa	35,586	1,800	1,800	700	3,960	0	100
10	Chư Prông	76,129	3,800	3,800	1,500	8,360	0	170
11	Ayun Pa	26,024	6,000	6,000	2,400	13,200	0	75
12	Đắk Đoa	75,360	3,700	3,700	1,500	8,140	0	170
13	K Bang	42,619	2,200	2,200	900	4,840	0	120
14	Krông Pa	52,841	2,600	2,600	1,040	5,720	0	120
15	Kông Chro	30,658	2,000	2,000	800	4,400	0	100
16	Phú Thiện	48,893	2,500	2,500	1,000	5,500	0	120
17	Chư Puh	44,443	2,500	2,500	1,000	5,500	0	120
Tổng cộng		956,614	100,000	100,000	40,000	220,000	0	2,360